

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.
Bệnh viện Đại học Y Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo
xây dựng giá cho gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị mạng năm 2025.

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình
- Thông tin liên hệ: Lê Trung Kiên - Nhân viên Phòng Vật tư quản trị, số điện thoại 0915902266, địa chỉ email: lekien0209@gmail.com

3. Nơi tiếp nhận báo giá:

Báo giá có 2 loại là bản cứng và bản PDF, trong đó:

- Bản cứng gửi về Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, địa chỉ số 373, Phố Lý Bôn, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Điện thoại: 0227.3833.886).

- Bản PDF + File word gửi về địa chỉ email: lekien0209@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày 14 tháng 05 năm 2025 đến trước 15h ngày 21 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày gửi báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Báo giá cung cấp vật tư, thiết bị mạng theo phụ lục đính kèm :
- Giá đã bao gồm nhân công thi công, cài đặt cấu hình, kết nối toàn bộ hệ thống, hướng dẫn sử dụng tại đơn vị.
- Báo giá bằng Việt Nam đồng (VNĐ), đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định.
- Địa điểm bàn giao nghiệm thu.
 - Tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình, số 373 Phố Lý Bôn, TP Thái Bình.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không
 - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày từ ngày bàn giao nghiệm thu.
- Các thông tin khác.
 - Hàng hóa cung cấp phải có thời gian bảo hành, giấy tờ, pháp lý đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước;
 - Các đơn vị tham gia báo giá cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã cung cấp.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận

- Như trên;
- Đăng Website Bệnh viện;
- Lưu VT, VTQT, TCKT.



PGS.TS Nguyễn Xuân Bái



Phụ lục kèm theo Thông báo số 14/BVĐH.YTB-TB ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc báo giá vật tư, thiết bị

STT	Thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống lưu trữ Nas	CPU: Intel Xeon D-1531 6-core 2.2GHz, Turbo Boost up to 2.7GHz Bộ nhớ trong: 16GB (8GB x 2) DDR4 ECC SODIMM, tối đa 48GB (8 GB x 2 + 16 GB x 2) HDD: 5 x Western Red Plus 8TB 3.5 WD80EFPX (chuyên dụng cho Nas) Loại, số ổ ổ cứng: 12 x 3.5" HDD / 2.5" SATA SSD/ HDD Lưu trữ tối đa: 108TB / 200TB (yêu cầu Ram 32GB) Cổng kết nối: 2 x USB 3.2 Gen 1, 2 x Expansion ports Cổng mạng: 2 x RJ45 1 GbE, 2 x RJ45 10 GbE Cổng LAN quản lý độc lập không ảnh hưởng tới người dùng: 1 Bật / tắt thiết bị từ xa qua mạng: LAN/WAN Quạt hệ thống: 2 Hỗ trợ RAID: RAID F1, Basic, JBOD, RAID 0, RAID 1, RAID 5, RAID 6, RAID 10 • Thông số kỹ thuật chính - Hiệu suất tường lửa: 20 Gbps - Hiệu suất NGFW (tường lửa thế hệ mới): 1.6 Gbps - Hiệu suất IPS: 2.6 Gbps - Hiệu suất bảo vệ chống virus: 1 Gbps - Kết nối: 22 cổng GE RJ45 (bao gồm 2 cổng WAN, 1 cổng DMZ, 1 cổng quản lý, 2 cổng HA, 16 cổng switch), 4 cổng GE SFP, 2 cổng 10 GE SFP+12.p • Tính năng bảo mật - Tường lửa: Bảo vệ mạng khỏi các mối đe dọa bên ngoài và kiểm soát lưu lượng mạng. - Chống xâm nhập (IPS): Phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng. - Chống virus: Bảo vệ hệ thống khỏi các phần mềm độc hại. - Lọc web: Kiểm soát truy cập truy cập web và ngăn chặn các trang web độc hại. - VPN: Hỗ trợ SSL VPN và IPsec VPN cho kết nối an toàn từ xa. • Quản lý và Giám sát - Giao diện quản lý: Giao diện web trực quan và dễ sử dụng. - Tích hợp FortiCloud: Quản lý và giám sát từ xa thông qua dịch vụ đám mây của Fortinet. - Báo cáo và phân tích: Cung cấp các báo cáo chi tiết về lưu lượng mạng và các mối đe dọa. • Khả năng mở rộng	Cái	1
2	Thiết bị tường lửa	FortiGate FG-100F	Cái	1

			Hỗ trợ nhiều người dùng: Đáp ứng nhu cầu bảo mật của doanh nghiệp khi phát triển. Tích hợp với các sản phẩm khác của Fortinet: Dễ dàng mở rộng và tích hợp với các giải pháp bảo mật khác của Fortinet.		
			Module quang sử dụng cho Firewall: - 01 Fortinet FG-TRAN-SX 1000BASE-SX Duplex LC 1.25Gbps 850nm 500m Multi mode SFP Transceiver Thông số kỹ thuật của SFP Fortinet FG-TRAN-SX Transceiver - Form Factor: SFP - Data Rate: 1.25Gbps - Wavelength: 850nm - Connector: Duplex LC - Cable Type: MMF - Reach Distance: 220 m / 500 m - Operating Temperature Range: 0°C to 70°C - Digital Optical Monitoring (DOM): Without - Applications: 1000Base SX		
			Gói license dùng cho FireWalls 100F X1 Gói FortiCare Premium Support/ 1 năm là dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp trong 1 năm cho FortiGate-100F Hỗ trợ kỹ thuật 24x7x365: Dịch vụ này cung cấp hỗ trợ kỹ thuật liên tục trong suốt năm, bao gồm cả ngày lễ và cuối tuần Hỗ trợ ưu việt (Elite): Ngoài việc có hỗ trợ 24/7, dịch vụ này còn bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cao cấp và hỗ trợ kỹ thuật sau khi kết thúc giai đoạn phát triển (E-EoS) Dịch vụ thay thế nâng cao: Nếu có sự cố về phần cứng, FortiCare Premium Support cung cấp dịch vụ thay thế nhanh chóng để đảm bảo hoạt động liên tục của thiết bị Ngoài ra, dịch vụ này còn bao gồm các tính năng như cập nhật firmware, hỗ trợ qua web portal, chat trực tuyến và điện thoại, cũng như dịch vụ thay thế phần cứng nhanh chóng.		
3	Máy chủ 1	Dell PowerEdge R760xs	Máy chủ loại 1 (Dell PowerEdge R760xs) - Bộ vi xử lý 2 x Intel Xeon Silver 4410Y 2G 12C/24T, 16GT/s, 2xkhối tản nhiệt cho bộ vi xử lý - Bộ nhớ RAM 4x32GB RDIMM, hỗ trợ registered ECC DDR5 DIMMs only - Hệ thống điều khiển lưu trữ hỗ trợ RAID Non, 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60 với bộ xử lý Broadcom RAID on chip SAS3916 chipset, pin dự phòng, bảo mật quản lý khóa cục bộ và quản trị, bộ	Cải	1

			- đệm 8 GB DDR4 2666MT/s, ổ cứng NVMe, SAS, SATA. - BOSS HWRRAID 1,2xM.2 NVMe SSDs hoặc USB. - Phần mềm điều khiển lưu trữ hỗ trợ: ổ cứng SATA SSD, NVMe, lối thông qua ứng dụng quản lý, sơ đồ kết nối, dự phòng nóng, ổ đĩa góc 512 và 512e, tối đa 30 ổ cứng các loại, tối thiểu 16GB RAM - Drive Bays 2x480GB SSD SATA, 4x8TB SAS ISE 12Gbps 7.2K 512e - Hệ thống quạt tản nhiệt gồm 5 quạt - Power Supply 800 W Platinum 100 240 VAC or 240 HVDC Hot plug power - I/O Ports Network OCP card 3.0, Up to 6 PCIe slots, front ports: 1xCổng điều khiển, 1xVGA, 1xUSB 2.0, 1 x USB 3.0 (OP), rear ports: 1xCổng điều khiển, 1xVGA, 1xUSB 2.0, 1 x USB 3.0 - Quản trị: Tích hợp bộ điều khiển quản trị từ xa; Hỗ trợ tính năng: bật/tắt cổng USB phía trước và Virtual Media; Tương thích với chuẩn IPMI 2.0; DCM1 1.5; Tùy chọn khả năng hỗ trợ quản trị máy chủ thông qua kết nối BLE/WiFi, tương thích với thiết bị di động IOS và Android; hỗ trợ TLS 1.2, HTTPS; - Bảo mật: Secure Boot; SRT; Secure Erase. - Kích thước: Rackmount 2U. - Keyboard & Mouse. - Hiển thị: Độ phân giải 1.600x900 60Hz, khung hình 16x9, độ sáng 250 cd/m², kích thước ngang 432.96cm, dọc 238.05mm, đường chéo 49.53cm, chỉ số sắc màu 16.7 triệu màu. - Hệ điều hành: Windows Server 2019 Standard.		
4	Máy chủ 2	Dell PowerEdge R760xs	Máy chủ loại 2 (Dell PowerEdge R760xs) - Bộ vi xử lý 1 x Intel Xeon Silver 4410Y 2G 12C/24T, 16GT/s, 2xkhối tản nhiệt cho bộ vi xử lý - Bộ nhớ RAM 2x32GB RDIMM, hỗ trợ registered ECC DDR5 DIMMs only - Hệ thống điều khiển lưu trữ hỗ trợ RAID Non, 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60 với bộ xử lý Broadcom RAID on chip SAS3916 chipset, pin dự phòng, bảo mật quản lý khóa cục bộ và quản trị, bộ đệm 8 GB DDR4 2666MT/s, ổ cứng NVMe, SAS, SATA. - BOSS HWRRAID 1,2xM.2 NVMe SSDs hoặc USB. - Phần mềm điều khiển lưu trữ hỗ trợ: ổ cứng SATA SSD, NVMe, lối thông qua ứng dụng quản lý, sơ đồ kết nối, dự phòng nóng, ổ đĩa góc 512 và 512e, tối đa 30 ổ cứng các loại, tối thiểu 16GB RAM - Drive Bays 2x480GB SSD SATA, 4x8TB SAS ISE 12Gbps 7.2K 512e	Cải	1

			- Hệ thống quạt tản nhiệt gồm 5 quạt - Power Supply 800 W Platinum 100 240 VAC or 240 HVDC Hot plug power - I/O Ports Network OCP card 3.0, Up to 4 PCIe slots, front ports: 1xCổng điều khiển, 1xVGA, 1xUSB 2.0, 1 x USB 3.0 (OP), rear ports: 1xCổng điều khiển, 1xVGA, 1xUSB 2.0, 1 x USB 3.0 - Quản trị: Tích hợp bộ điều khiển quản trị từ xa; Hỗ trợ tính năng: bật/tắt cổng USB phía trước và Virtual Media; Tương thích với chuẩn IPMI 2.0; DCM1 1.5; C12		
5	Lưu điện ONLINE	UPS APOLLO AP9010II 10000VA	Ứng dụng : Máy chủ, Máy tính, Thiết bị mạng, máy ATM, Thiết bị an ninh, giám sát camera... và nhiều ứng dụng nguồn quan trọng khác... Công nghệ: Công nghệ chuyển đổi kép trực tuyến, Online. - Điện áp vào: 208V/220V/230V/240VAC - Tần số nguồn vào: 50/60 ± 10% (Auto sensing). - Điện áp ra: 220V±1%. - Tần số nguồn ra: 50/60Hz ± 1% (Auto sensing). - Thời gian chuyển mạch: 0ms - Thời gian lưu điện: 6-30 phút - Tùy công suất tải.	Cải	1
6	Thiết bị chuyên mạch gom của tòa nhà	C1300-16T-2G	<u>Thiết bị chuyên mạch Cisco Catalyst 1300 16-port GE, 2x1G SFP C1300-16T-2G</u> Số cổng mạng: tối thiểu 18-Ports Gigabit Ethernet. Cổng Lan RJ45: tối thiểu 16 ports 10/100/1000 Mbps. Cổng quang: tối thiểu 2 Ports SFP. CPU: tối thiểu ARM dual-core at 1.4 GHz DRAM: tối thiểu 1 GB DDR4 Flash: tối thiểu 512 MB Bộ nhớ đệm gói tin: tối thiểu 1.5 MB Loại thiết bị chuyên mạch: tối thiểu là Switch Access, Rack-mountable Fan: tối thiểu Fanless. Tính năng: tối thiểu Layer 2, Routing Layer 3, hỗ trợ tối thiểu 8 nhóm cổng LACP... Dung lượng chuyên mạch: tối thiểu 36 Gbps. Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 26.78 mpps. Quản lý: Dashboard, CLI, SSH, Telnet, Web Gui, App Mobile. Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024	Bộ	3

7	Module quang 1 Gbps	GLC-SX-SMD	Module quang tương thích với thiết bị cisco Tương thích với chuẩn IEEE 802.3z 1000BASE-LX, Hoạt động trên các liên kết cáp quang đơn mode chuẩn lên tới 10 km và lên đến 550 m trên bất kỳ sợi đa mode nào. Module quang hoạt động ở bước sóng 1300-nm, dải nhiệt độ hoạt động mở rộng và hỗ trợ DOM, Đầu nối LC / PC kép. Bảo hành 1 năm Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024	Cải	8
8	Thiết bị chuyển mạch tại tầng	CBS110-8T-D-EU	<u>Thiết bị chuyển mạch Cisco CBS110 Unmanaged 8-port GE, Desktop, Ext PS CBS110-8T-D-EU</u> Dung lượng chuyển mạch: tối thiểu 16 Gbps Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 11.9 Mpps Cổng RJ45: tối thiểu 8 cổng 10/100/1000 Gbps Loại thiết bị chuyển mạch: Switch layer 2 không có quản lý Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024	Bộ	5
9	Thiết bị chuyển mạch gom của tòa nhà	C1300-24T-4X	<u>Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 1300 24-port GE, 4x10G SFP+ C1300-24T-4X</u> Số cổng mạng: tối thiểu 28-Ports Gigabit Ethernet. Cổng Lan RJ45: tối thiểu 24 ports 10/100/1000 Mbps. Cổng quang: tối thiểu 4 Ports SFP+ CPU: tối thiểu ARM dual-core at 1.4 GHz DRAM: tối thiểu 1 GB DDR4 Flash: tối thiểu 512 MB Bộ nhớ đệm gói tin: tối thiểu 1.5 MB Loại thiết bị chuyển mạch: tối thiểu Layer 3 Managed, Rack-mount, Fanless Fan: tối thiểu Fanless. Tính năng: tối thiểu Layer 2, Routing Layer 3, tính năng xếp chồng tối đa 8 thiết bị, hỗ trợ tối thiểu 8 nhóm cổng LACP... Dung lượng chuyển mạch: tối thiểu 128 Gbps. Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 95.23 mpps. Quản lý: Dashboard, CLI, SSH, Telnet, Web Gui, App Mobile.	Bộ	3

		Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: tối thiểu 2024		
		<u>Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 1300 8-port GE, Ext PS, 2x1G Combo C1300-8T-E-2G</u> Số cổng mạng: tối thiểu 28-Ports Gigabit Ethernet. Cổng Lan RJ45: tối thiểu 24 ports 10/100/1000 Mbps. Cổng quang: tối thiểu 4 Ports SFP+ CPU: tối thiểu ARM dual-core at 1.4 GHz DRAM: tối thiểu 1 GB DDR4 Flash: tối thiểu 512 MB Bộ nhớ đệm gói tin: tối thiểu 1.5 MB Loại thiết bị chuyển mạch: tối thiểu Layer 3 Managed, Rack-mount, Fanless Fan: tối thiểu Fanless. Tính năng: tối thiểu Layer 2, Routing Layer 3, tính năng xếp chồng tối đa 8 thiết bị, hỗ trợ tối thiểu 8 nhóm công LACP... Dung lượng chuyển mạch: tối thiểu 128 Gbps. Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 95.23 mpps. Quản lý: Dashboard, CLI, SSH, Telnet, Web Gui, App Mobile. Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024		
10	Thiết bị chuyển mạch gom của tòa nhà	C1300-8T-E-2G	Bộ	1
11	Module quang tốc độ 10Gbps	SFP-10G-LR	Cải	8
		<u>Mô đun quang 10G SFP+ 1310nm, 10km, SMF, LC duplex Transceiver SFP-10G-LR</u> Module quang tương thích với thiết thiết bị cisco Tương thích với chuẩn IEEE 802.3z, tốc độ 10Gbps Hoạt động trên các liên kết cáp quang đơn mode chuẩn lên tới 10 km. Module quang hoạt động ở bước sóng 1300-nm, dải nhiệt độ hoạt động mở rộng và hỗ trợ DOM, Đầu nối LC / PC kép. Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: tối thiểu 2024		
12	Thiết bị chuyển mạch tại tầng	CBS110-16T	Bộ	2
		<u>Thiết bị chuyển mạch Cisco SB CBS110 Unmanaged 16-port GE CBS110-16T-EU</u> Dung lượng chuyển mạch: tối thiểu 16 Gbps Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 11.9 Mpps Cổng RJ45: tối thiểu 8 cổng 10/100/1000 Gbps Loại thiết bị chuyển mạch: Swith layer 2 không có quản lý		

			Bảo hành 12 tháng Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024		
13	Module quang 1 gbps giao điện RJ45	GLC-TE	<u>Mô đun quang 1G SFP 100m RJ45 GLC-TE</u> Module quang tương thích thiết bị cisco Tốc độ 1 Gbps Hỗ trợ khoảng cách tối đa 100m trên cáp mạng UTP Cat 5, Cat 5e hoặc Cat 6 Đầu nối : RJ45 Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024	Cài	8
14	Thiết bị chuyển mạch lõi	C1300-12XS	<u>Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 1300 12-port SFP+, 2x10GE Shared, PCordUK C1300-12XS</u> Tổng số cổng: tối thiểu 10 x 10G SFP +, 2 x 10G đồng / SFP + combo, 1 x quản lý GE OOB Cổng kết hợp: tối thiểu 2 x 10G đồng / SFP + combo CPU: tối thiểu ARM dual-core tốc độ 1.4 GHz DRAM: tối thiểu 1 GB DDR4 Flash: tối thiểu 512 MB Bộ nhớ đệm gói tin: tối thiểu 1.5 MB Loại thiết bị chuyển mạch: tối thiểu Layer 3 Managed, Rack-mount, Fanless Fan: tối thiểu Fanless. Tính năng: tối thiểu Layer 2, Routing Layer 3, tính năng xếp chồng tối đa 8 thiết bị, hỗ trợ tối thiểu 8 nhóm công LACP... Dung lượng chuyển mạch: tối thiểu 240 Gbps Tốc độ chuyển tiếp: tối thiểu 178,56 Mpps Quản lý :Dashboard, CLI, SSH, Telnet, Web Gui, App Nguồn gốc xuất xứ: Châu Á Năm sản xuất: 2024	Bộ	2
15	Tủ Rack 6U		<u>Tủ Rack TNT 6U - D600</u> Kích thước H320 x W540 x D600 Chất liệu thép tấm CT3 dày 0.8mm - 1.5 mm Sơn Sơn tĩnh điện chống gỉ 100% Số ổ cắm 01, kết cấu tủ Hàn liền	Cài	6

			Hệ thống khoả cửa có khoá an toàn, dễ dàng tháo lắp, có cửa cánh lưới Hệ thống bánh xe Chịu lực Phụ kiện đi kèm - 01 Quạt gió, 01 Ổ cắm 3 chấu Nguồn gốc xuất xứ: Việt nam Năm sản xuất: 2024		
16	ODF 4 core		Hộp phối quang ODF 4FO Số sợi quang: 4 sợi (4 core) Nguồn gốc xuất xứ: Việt nam Năm sản xuất: 2024	Cái	6
17	ODF 24 core		Hộp phối quang ODF 4FO Số sợi quang: 24 sợi (24 core) Nguồn gốc xuất xứ: Việt nam Năm sản xuất: 2024	Cái	1
18	Cáp quang 2 core		Số sợi: 2 sợi quang đơn mode, chuẩn ITUT G.652.D. Bước sóng hoạt động của sợi quang: 1310nm và 1550nm. Ống đệm chứa và bảo vệ sợi quang được làm theo công nghệ ống đệm lòng với quy cách của ống đệm lòng trung tâm. Các khoảng trống giữa sợi và bề mặt trong của lòng ống đệm lòng được điền đầy bằng một hợp chất đặc biệt chống sự thâm nhập của nước. Lớp nhựa HDPE chất lượng cao bảo vệ ngoài. Dây treo cáp bằng thép 1×1.2 mm. Được dùng như loại cáp treo FTTH	m	700
19	Cáp mạng bổ sung kết nối thiết bị chuyên mạch	AMP	Dây mạng AMP cat6 đồng (305m/1 cuộn) - Hãng sản xuất: AMP COMMScope - Chất liệu: 8 sợi đồng xịn tiết diện 0,5mm - Chiều dài cuộn: 1000 feet tương ứng với 305m - Nhiệt độ chịu đựng: từ 0 đến 70 độ.	m	1250